CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tập đoàn đầu tư Din Capital

Ngày 30/09/2025	20,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	6.3%	**60.3%**	**127.7**

DT thuần
Q3/25
122
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.00| -3.9%
YoY: ▲ 27.4| 29.0%

LN thuần
Q3/25
26.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.40| 32.2%
YoY: ▲ 15.9| 154%

LN sau thuế
Q3/25
20.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.90| 30.7%
YoY: ▲ 12.6| 152%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
21.3%
YoY: +/-▲ 5.7%

ROE (TTM)
Q3/25
26.7%
YoY: +/-▲ 6.5%

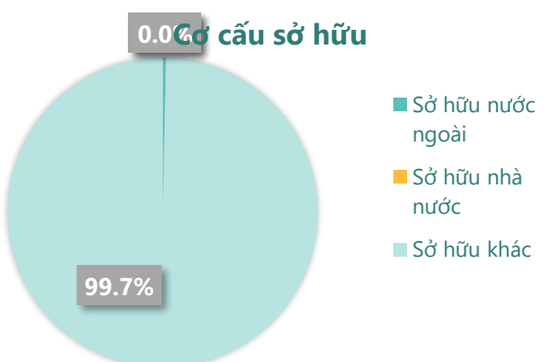
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	7,719 - 20,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	180
Số lượng CPLH (CP)	8,909,981
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,715
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.54
EPS	4,442
P/E	4.5

DT thuần
9T 2025
321
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 96.0| 42.8%

LN thuần
9T 2025
52.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 37.5| 254%

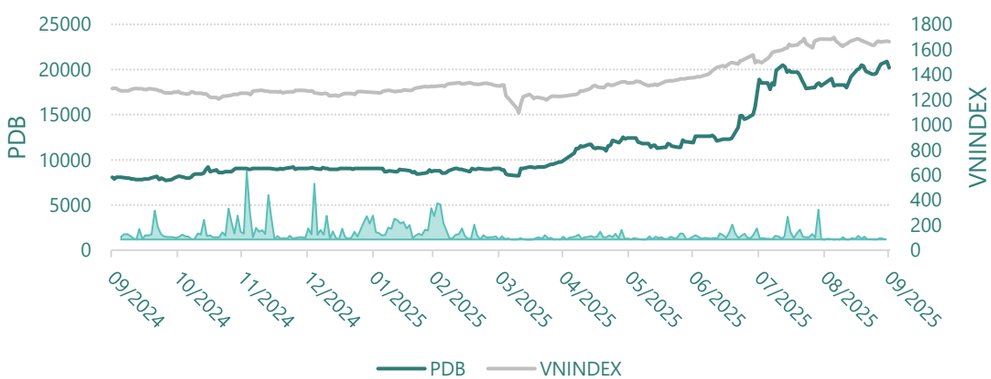
LN sau thuế
9T 2025
41.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 30.2| 259%

Cơ cấu sở hữu

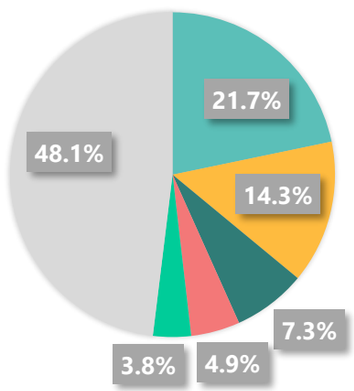


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

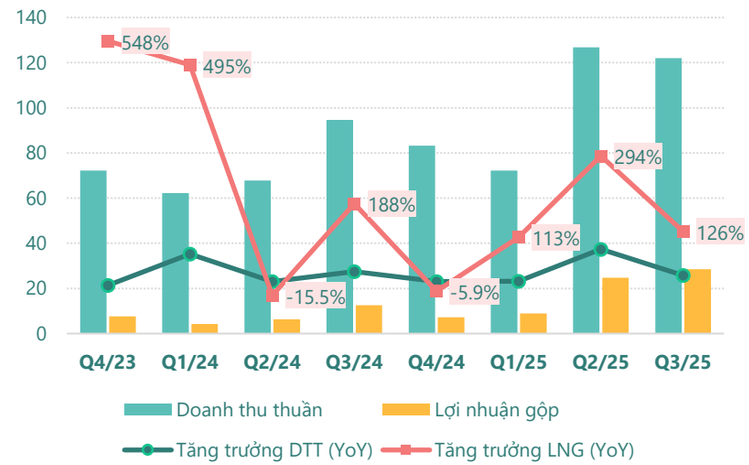


- CTCP Kỹ thuật Xây dựng Dinco
- Lê Trường Kỹ (Chủ tịch HĐQT)
- Huỳnh Phước Huyền Vy (Thành viên HĐQT)
- Peter Eric Dennis
- Nguyễn Thị Minh Phượng
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

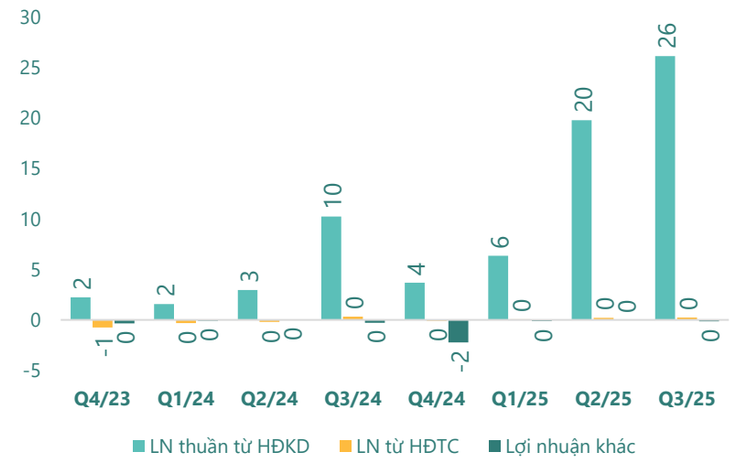
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



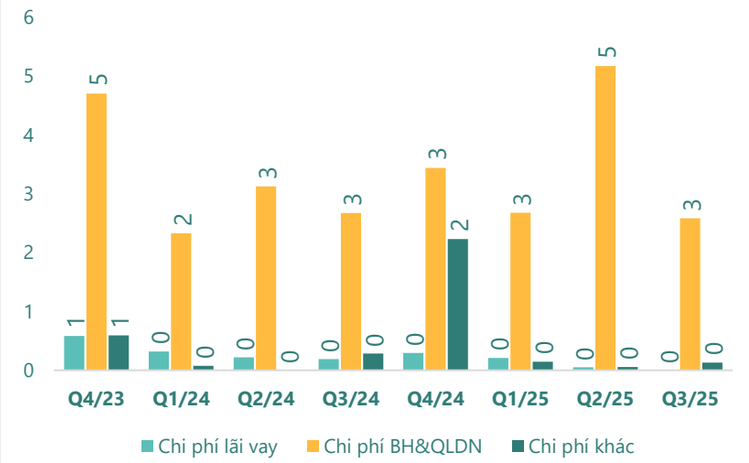
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



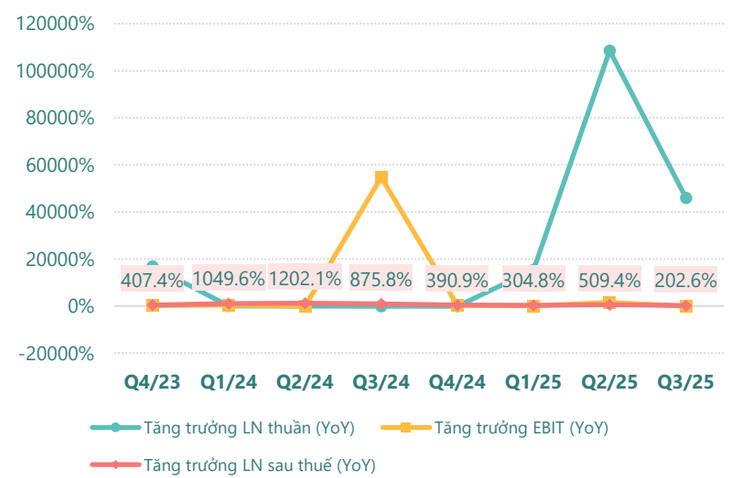
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



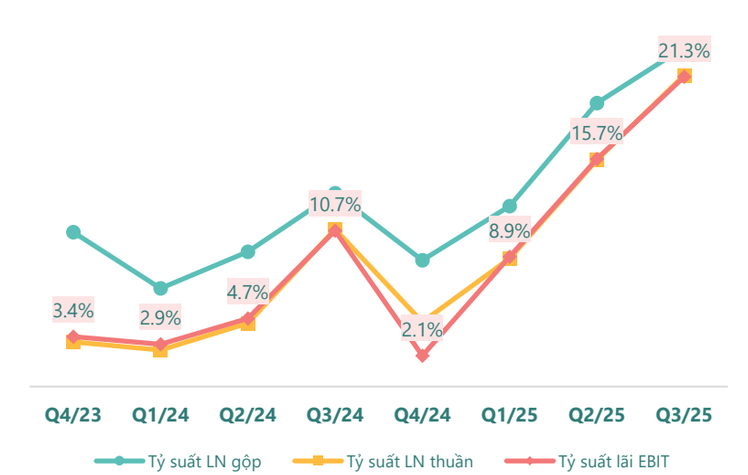
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



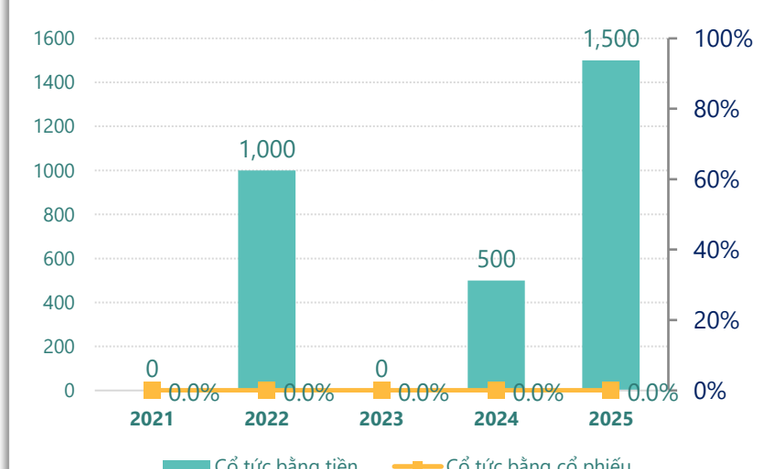
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

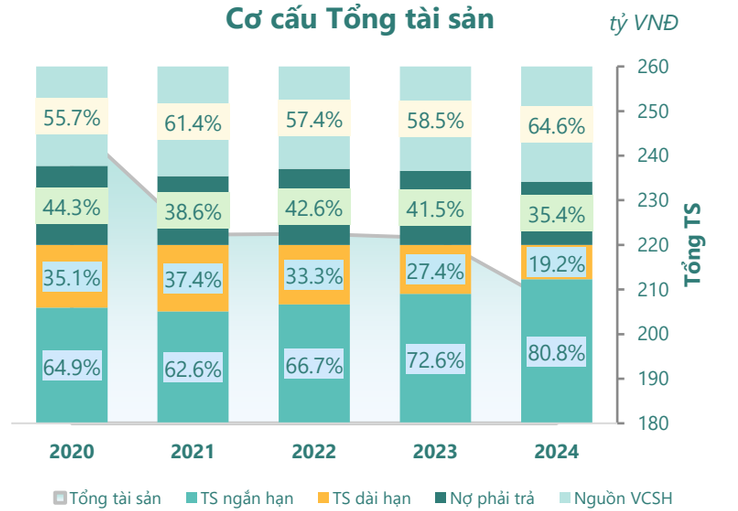
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

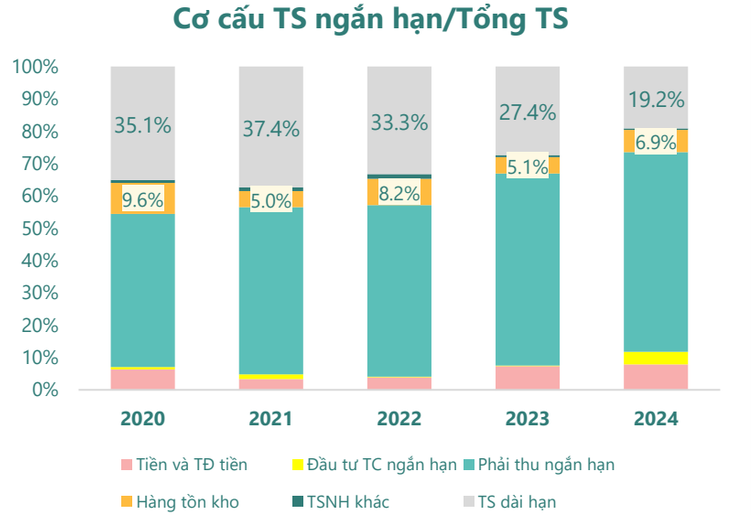
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



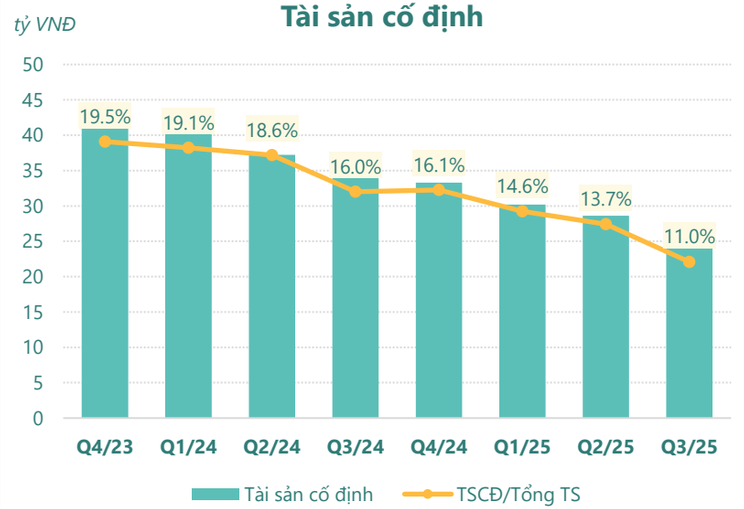
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



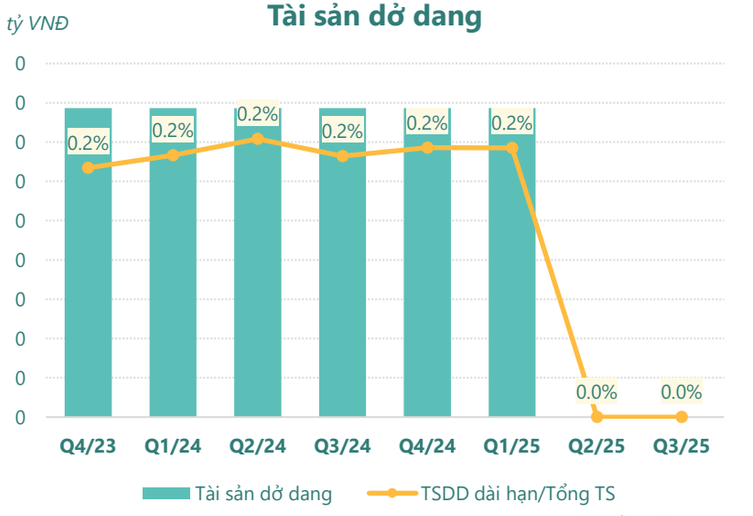
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



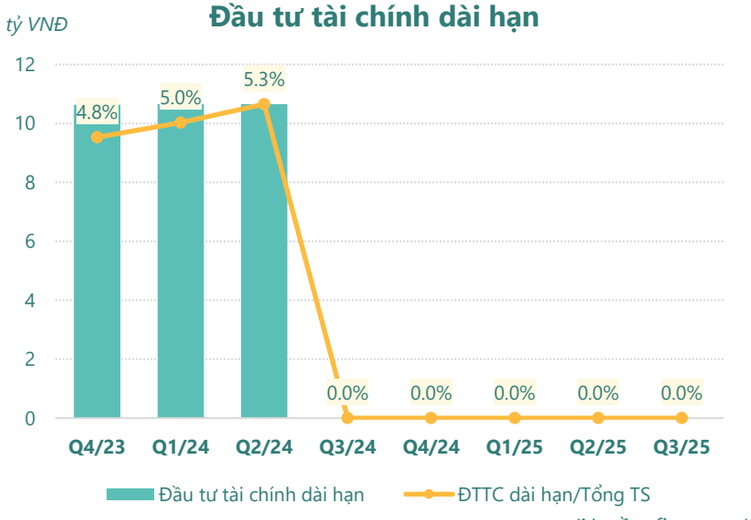
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



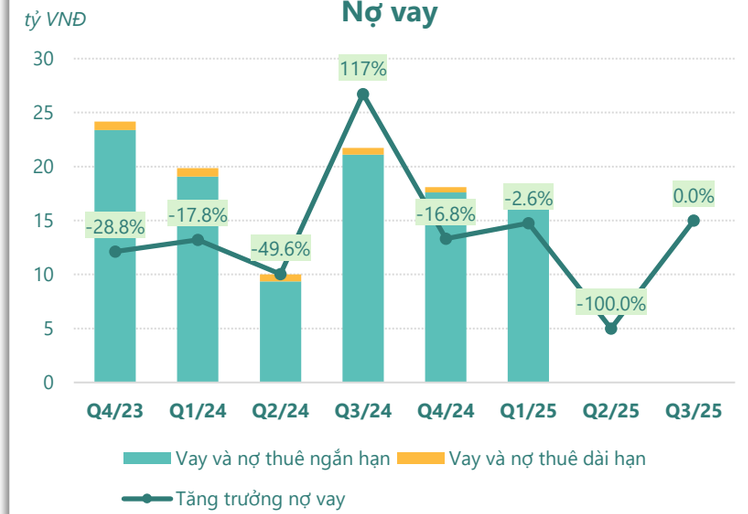
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

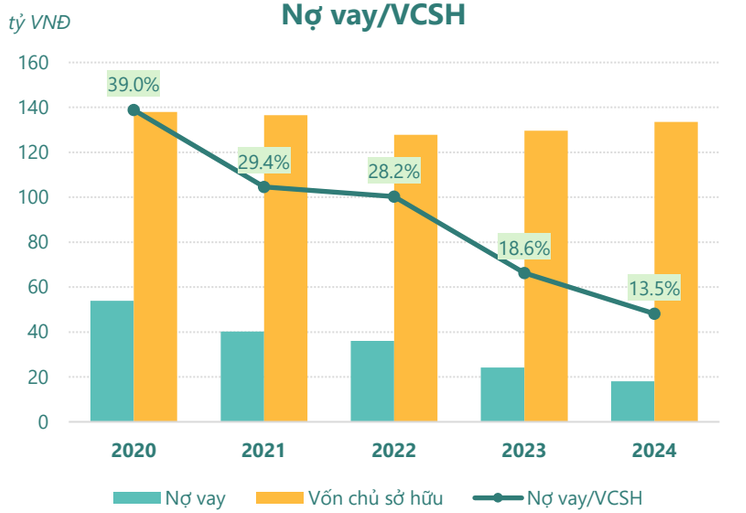
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

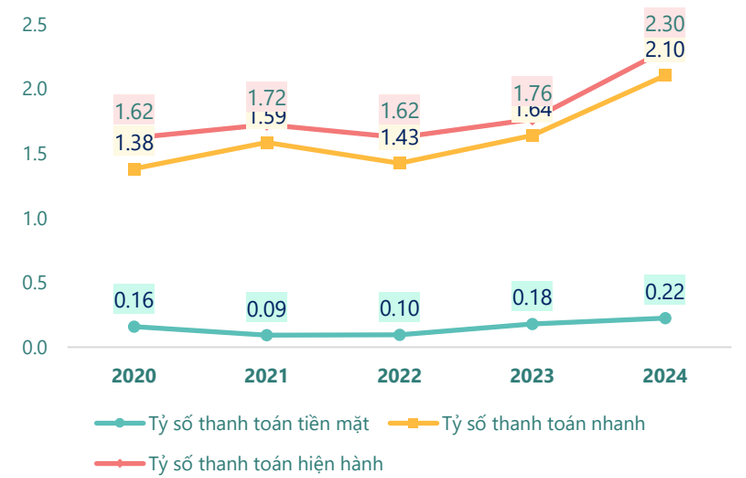
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



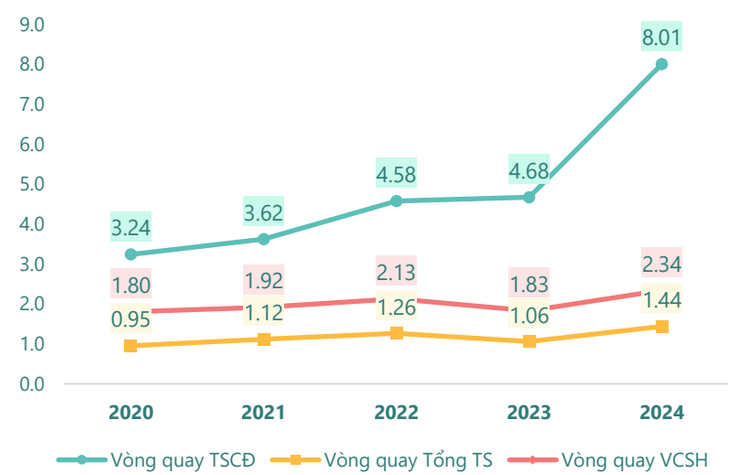
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



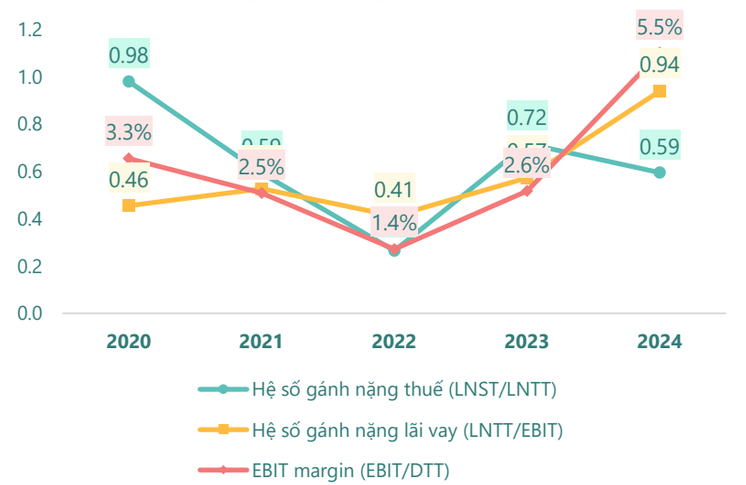
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



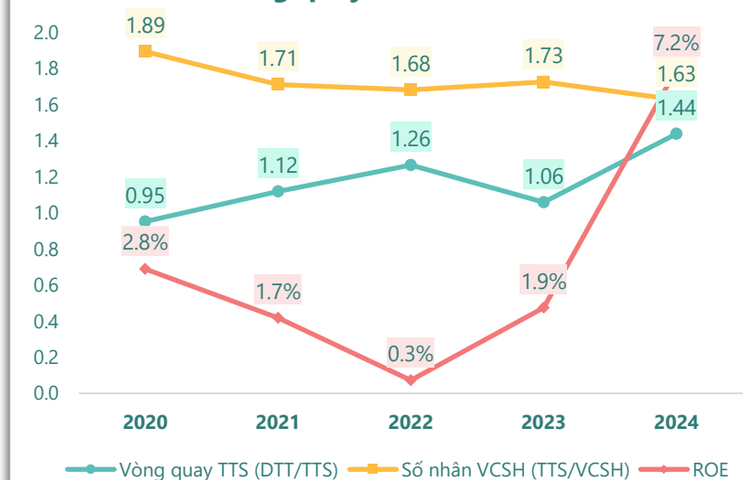
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



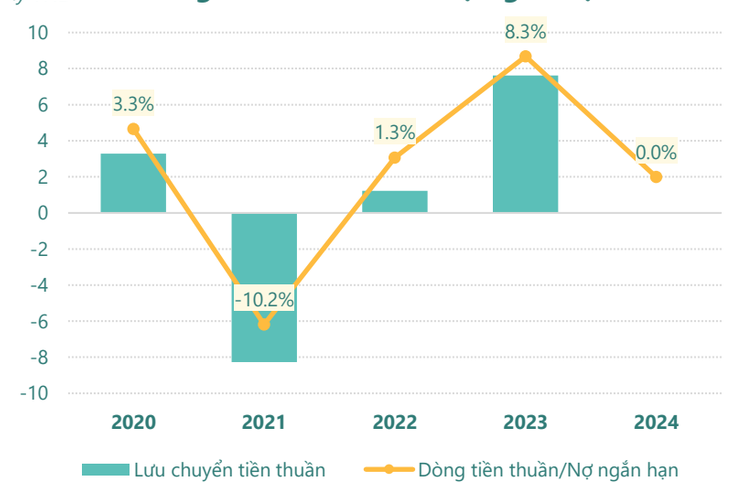
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**122**	**94.6**	**29.0%**	**321**	**225**	**42.8%**
Giá vốn hàng bán	93.5	82.0	14.0%	259	202	28.3%
Lợi nhuận gộp	28.5	12.6	126%	62.3	23.1	169%
Doanh thu HĐTC	0.24	0.07	250%	0.78	0.09	769%
Chi phí TC	0.00	-0.26	100%	0.26	0.28	-8.9%
Chi phí lãi vay	0	0.19	-100%	0.26	0.73	-64.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.69	0.57	20.2%	1.88	1.51	24.4%
Chi phí QLDN	**1.90**	**2.11**	**-9.9%**	**8.56**	**6.63**	**29.2%**
LN thuần từ HĐKD	26.2	10.3	154%	52.3	14.8	254%
Lợi nhuận khác	**-0.13**	**-0.28**	**53.7%**	**-0.24**	**-0.36**	**34.1%**
LN trước thuế	26.0	9.97	161%	52.1	14.4	261%
Lợi nhuận sau thuế	**20.9**	**8.29**	**152%**	**41.8**	**11.6**	**259%**
LNST của CĐ cty mẹ	**20.9**	**8.26**	**153%**	**41.8**	**11.6**	**260%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.36	-14.1	23.7	-3.14	28.1	36.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	0.13	-10.2	-0.08	7.10	-35.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.1	7.45	-3.66	-0.46	-31.0	0
Tiền đầu kỳ	19.7	13.0	6.46	16.3	12.6	16.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-6.70**	**-6.56**	**9.85**	**-3.68**	**4.20**	**0.88**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	13.0	6.46	16.3	12.6	16.8	17.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**233**	**207**	**13.0%**
Tài sản ngắn hạn	201	167	20.7%
Tiền và tương đương tiền	17.7	16.3	8.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	47.5	8.01	493%
Phải thu ngắn hạn	123	127	-3.5%
Hàng tồn kho	12.4	14.2	-12.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.82	0.89	-7.2%
Tài sản dài hạn	**31.9**	**39.6**	**-19.5%**
Phải thu dài hạn	0	0.05	-100%
Tài sản cố định	25.8	33.3	-22.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.39	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**6.17**	**5.92**	**4.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	72.6	73.0	-0.6%
Nợ ngắn hạn	**72.6**	**72.6**	**0.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	17.6	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	54.8	46.1	19.0%
Nợ dài hạn	0	0.47	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.47	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**161**	**134**	**20.4%**
Vốn chủ sở hữu	**161**	**134**	**20.4%**
Vốn điều lệ	89.1	89.1	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)